

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST

Ngày 26 – 9 – 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đại Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Ông Hồ Xuân Giao

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 548/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trương Thị Xuân M, sinh năm 1997 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn K, xã Ea Tu, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Lê Trung T, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 20, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Xuân M trình bày:**

Tôi (Trương Thị Xuân M) và ông Lê Trung T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 01/3/2018.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về công việc và gia đình hai bên không có Tg nói chung, ông Lê Trung T thường hay kiểm soát gây sự chửi bới đánh đập tôi, chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 5/2018 đến nay.

Nay tôi xác định không còn tình cảm với ông Lê Trung T nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Lê Trung T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Lê Trung T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tôi không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

**- Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Lê Trung T trình bày:**

Tôi và bà Trương Thị Xuân M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2018 tại UBND xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có Tg nói chung, thường xuyên cãi vã, không hòa hợp, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn của chúng tôi không thể khắc phục được nên chúng tôi đã ly thân từ tháng 5/2018 cho tới nay.

Nay bà M xin ly hôn thì tôi đồng ý. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc nên tôi không thể tham gia các buổi hòa giải và xét xử tại Tòa án nên tôi đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt tôi.

Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thông báo thụ lý vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 98; các Điều 171 đến Điều 177; Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị Xuân M. Bà Trương Thị Xuân M được ly hôn với ông Lê Trung T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trương Thị Xuân M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Trung T, đây là quan hệ “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông Lê Trung T có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, quá trình làm việc bị đơn ông Lê Trung T vắng mặt không tham gia hòa giải, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn ông Lê Trung T vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Xuân M và ông Lê Trung T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Khánh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/3/2018, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà Trương Thị Xuân M xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, về công việc và gia đình hai bên không có Tg nói chung, ông Lê Trung T thường hay kiêu căng gây sự chửi bới đánh đập bà, ông bà đã sống ly thân từ tháng 5/2018 đến nay. Bà xác định không còn tình cảm với ông Lê Trung T nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Trương Thị Xuân M được ly hôn với ông Lê Trung T.

Ông Lê Trung T xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có Tg nói chung, thường xuyên cãi vã, không hòa hợp, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn của ông bà không thể khắc phục được nên đã ly thân từ tháng 5/2018 cho tới nay. Nay bà M xin ly hôn thì ông đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Xuân M và ông Lê Trung T có xảy ra, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân nhau. Bà Trương Thị Xuân M và ông Lê Trung T đều có nguyện vọng xin ly hôn, vì vậy nếu kéo dài quan hệ hôn nhân thì không đạt được mục đích của hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Xuân M, giải quyết cho bà Trương Thị Xuân M được ly hôn với ông Lê Trung T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Bà Trương Thị Xuân M và ông Lê Trung T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Trương Thị Xuân M và ông Lê Trung T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trương Thị Xuân M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trương Thị Xuân M.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trương Thị Xuân M được ly hôn với ông Lê Trung T.

2. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà Trương Thị Xuân M và ông Lê Trung T không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

3. *Về án phí*: Bà Trương Thị Xuân M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà Trương Thị Xuân M đã nộp theo biên lai số AA/2021/0019719 ngày 23/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CC THADS TP. BMT;
- UBND xã Hòa Khánh, TP. BMT, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Đại Minh**